

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 4892/2024/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đinh Thị Diễm Kiều
- Bà Đặng Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh P – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 529/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6969/2024/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7817/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ: số G P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị S, sinh năm 1998

Địa chỉ liên lạc: số A B đường N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số 02/2023/UQ-ELV ngày 27/11/2023) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: số B đường số G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Đại Phương Đ, sinh 1985, chức danh: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: số B đường G, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần C, có người đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị S trình bày:

Ngày 28/10/2022, Công ty cổ phần C (sau đây viết tắt là Công ty C) và Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là Công ty K) ký thỏa thuận hợp đồng số 2022-D-L-2710, nội dung bên A (Công ty K) đồng ý giao cho bên B (Công ty C) cung cấp & lắp đặt hệ thống MEP công chính – gói thầu công tác thi công phần thân 2 nhà và công chào thuộc Dự án S1 tại địa chỉ Lô B khu công nghiệp, dịch vụ đô thị B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tổng giá trị hợp đồng là 435.410.605 đồng. Ngày 28/10/2022 hai bên thống nhất thỏa thuận thay đổi thuế giá trị gia tăng nhân công từ 8% lên 10%, tổng giá trị hợp đồng sau phát sinh tăng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 438.019.905 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty C đã hoàn thành công việc cung cấp, lắp đặt, nghiệm thu và hoạt động hệ thống từ ngày 16/01/2023. Tuy nhiên phía Công ty K chỉ mới thanh toán tạm ứng 20% giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với số tiền 79.165.565 đồng.

Ngày 10/01/2023, Công ty C đã gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị thanh toán đến cho Công ty K. Công ty K đã hứa hẹn rất nhiều lần về việc thanh toán vào các ngày 30/3/2023, ngày 23/4/2023, ngày 25/5/2023 và ngày 20/7/2023. Tuy nhiên Công ty K vẫn không thanh toán như đã cam kết.

Nay Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty TNHH K phải trả cho Công ty cổ phần C số tiền nợ 336.953.345 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/9/2024 (17 tháng 06 ngày) là: 48.288.953 đồng; tổng cộng là: 385.242.298 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi Công ty K thanh toán hết khoản nợ cho Công ty C, với mức lãi suất 10%/năm.

+ Bị đơn Công ty TNHH K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập Công ty TNHH K đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH K vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của Công ty TNHH K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân

thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn Công ty TNHH K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền nợ 336.953.345 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/9/2024 (17 tháng 06 ngày) là: 48.288.953 đồng; tổng cộng là: 385.242.298 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi Công ty K thanh toán hết số nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty K hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0313109044 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cung cấp thì Công ty TNHH K có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty TNHH K, có người đại diện theo pháp luật là ông Hứa Đại Phương Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 11/9/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ Công ty K, ông Hứa Đại Phương Đ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng Công ty K, ông Hứa Đại Phương Đ vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn, Công ty TNHH K phải trả cho Công ty cổ phần C số tiền nợ 336.953.345 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 24/4/2023 đến xét xử là

ngày 30/9/2024 (theo mức lãi suất 10%/năm); cụ thể: 336.953.345 đồng x 10%/năm x 17 tháng 06 ngày là 48.288.953 đồng; tổng cộng là 385.242.298 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiếp tục phát sinh từ ngày 01/10/2024 từ ngày 01/10/2024 cho đến khi Công ty K thanh toán hết số nợ gốc, theo mức lãi suất 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét căn cứ vào nội dung của “Thỏa thuận hợp đồng” số 2022-D-L2710 ngày 28/10/2022 được ký kết giữa Công ty cổ phần C và Công ty TNHH K; phụ lục bảng giá hợp đồng ngày 28/10/2022; biên bản xác nhận công nợ và xác nhận thanh toán ngày 21/7/2023; Thư đề nghị thanh toán ngày 10/01/2023 và ngày 14/6/2023 của Công ty C; Thư thông báo phản hồi ngày 20/7/2023 của Công ty TNHH K. Qua đó, xét lời trình bày của nguyên đơn, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán Công ty cổ phần C tiền nợ gốc 336.953.345 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 48.288.953 đồng; tổng cộng là 385.242.298 (ba trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm chín mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH K phải nộp 19.262.115 (mười chín triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn một trăm mười lăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cổ phần C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.985.423 (tám triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0001575 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu